

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thu hồi đất xây dựng công trình Hồ Khuổi Thung thuộc Tiểu dự án 2, dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) tỉnh Tuyên Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 05/2015/QĐ-UBND ngày 16/4/2015 của UBND tỉnh ban hành quy định về trình tự, thủ tục thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 657/QĐ-UBND ngày 03/7/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng Tiểu dự án 2 thuộc dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 1589/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán Tiểu dự án 2 thuộc dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) tỉnh Tuyên Quang;

Căn cứ Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 02/3/2020 của UBND tỉnh Tuyên Quang về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2020 huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang;

Xét đề nghị của Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện tại Tờ trình số 60/TTr-PTQĐ ngày 18/11/2020 và Tờ trình số 93/TTr-TNMT ngày 20/11/2020 của Phòng Tài nguyên và Môi trường về việc đề nghị thu hồi đất để xây dựng công trình Hồ Khuổi Thung thuộc Tiểu dự án 2, dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) tỉnh Tuyên Quang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thu hồi diện tích đất 13.653,5 m² của UBND xã Tân Mỹ và 10 hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng tại thôn Tông Lùng, xã Tân Mỹ, huyện Chiêm Hoá, tỉnh Tuyên Quang, cụ thể:

* Phân theo nhóm đất:

- Nhóm đất nông nghiệp: 4.457,1 m².
- + Đất rừng sản xuất (RSX): 3.028,9 m².
- + Đất chuyên trồng lúa nước (LUC): 106,4 m².
- + Đất trồng lúa nước còn lại (LUK): 222 m².
- + Đất trồng cây lâu năm (CLN): 307,5 m².
- + Đất nuôi trồng thủy sản (NTS): 570,2 m².
- + Đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK): 222,1 m².
- Nhóm đất phi nông nghiệp: 9.196,4 m².
- + Đất giao thông (DGT): 4.735,2 m².
- + Đất thủy lợi (DTL): 3.245,2 m².
- + Đất có mặt nước chuyên dùng (MNC): 1.216 m².

* Phân theo đối tượng quản lý, sử dụng đất:

- Đất tổ chức (UBND xã Tân Mỹ): 9.196,4 m².
- Đất hộ gia đình, cá nhân: 4.457,1 m².

Ranh giới thu hồi đất được xác định bởi các đường liền nét đậm khép kín (có diện tích, số thửa đất, loại đất) được thể hiện trên 02 mảnh trích đo địa chính để thu hồi đất xây dựng công trình Hồ Khuổi Thung thuộc Tiểu dự án 2, dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) tỉnh Tuyên Quang, hệ tọa độ VN-2000, khu vực thôn Tông Lùng, xã Tân Mỹ, huyện Chiêm Hóa, tỉnh Tuyên Quang, tỷ lệ 1/500 đã được Sở Tài nguyên và Môi trường phê duyệt.

(Có danh sách chủ sử dụng đất và bản đồ thu hồi đất kèm theo)

- Lý do thu hồi đất: Xây dựng công trình Hồ Khuổi Thung thuộc Tiểu dự án 2, dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) tỉnh Tuyên Quang.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân xã Tân Mỹ

- Có trách nhiệm gửi Quyết định này cho các hộ gia đình có tên trong danh sách thu hồi đất kèm theo; trường hợp không nhận quyết định này hoặc vắng mặt thì phải lập biên bản; niêm yết công khai Quyết định này tại trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn và nơi sinh hoạt cộng đồng khu dân cư nơi có đất thu hồi.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tuyên truyền, vận động người bị thu hồi đất chấp hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư và quyết định thu hồi đất của nhà nước.

- Chủ trì, phối hợp với Trung tâm Phát triển quỹ đất thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chuyển hồ sơ cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Chiêm Hóa để chỉnh lý theo quy định.

- Phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện đúng các quy định trong trình tự thủ tục bồi thường.

2. Trung tâm Phát triển quỹ đất

Phối hợp với Chủ đầu tư xây dựng công trình (Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Tuyên Quang) thanh toán dứt điểm kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân được bồi thường thiệt hại trong phạm vi giải phóng mặt bằng đúng thời gian quy định.

3. Chủ đầu tư xây dựng công trình (Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Tuyên Quang): Bố trí đầy đủ nguồn kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho các tổ chức, hộ gia đình có tài sản trên đất bị thu hồi theo đúng quy định của nhà nước.

4. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai

Phối hợp với Trung tâm Phát triển quỹ đất, UBND xã Tân Mỹ tổ chức thu hồi và chỉnh lý giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai, Giám đốc Trung tâm Phát triển quỹ đất, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Tuyên Quang; Chủ tịch UBND xã Tân Mỹ, Thủ trưởng các đơn vị liên quan và các hộ gia đình đang sử dụng đất có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Chủ tịch UBND huyện;
- Phó CT UBND huyện phụ trách KT;
- Như Điều 3 (Thực hiện);
- Chánh VP HĐND & UBND huyện;
- CVKT;
- Lưu: VT, TNMT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Đình Tân



**DANH SÁCH CÁC CHỦ SỬ DỤNG ĐẤT BỊ THU HỒI ĐỂ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH: HỒ KHUỖI THUNG THUỘC TIÊU DỰ ÁN 2,
DỰ ÁN SỬA NÂNG CAO AN TOÀN ĐẬP (WB8), TỈNH TUYÊN QUANG,**

(Kèm theo Quyết định số **464** /QĐ-UBND ngày **25** /11/2020 của UBND huyện Chiêm Hóa)

Đơn vị tính m²

STT	Chủ sử dụng đất	Tờ bản đồ	Số thửa đất	Tổng cộng	Nhóm đất nông nghiệp							Nhóm đất phi nông nghiệp				Ghi chú
					Cộng	Đất có rừng trồng sản xuất (RSX)	Đất chuyên trồng lúa nước (LUC)	Đất trồng lúa nước còn lại (LUK)	Đất trồng cây lâu năm (CLN)	Đất nuôi trồng thủy sản (NTS)	Đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK)	Cộng	Đất giao thông (DGT)	Đất thủy lợi (DTL)	Đất có mặt nước chuyên dùng (MNC)	
A	B	C	D	I=2+9	2=3+...+8	3	4	5	6	7	8	9=10+11+12	10	11	12	13
	Tổng cộng			13.653,5	4.457,1	3.028,9	106,4	222,0	307,5	570,2	222,1	9.196,4	4.735,2	3.245,2	1.216,0	
I	Hộ gia đình, cá nhân															
1	Vũ Văn Bảy			471,7	471,7											
		1	1	8,1	8,1				8,1							
		1	2	38,5	38,5	38,5										
		1	3	179,1	179,1			179,1								
		1	4	24,0	24,0	24,0										
		1	5	42,9	42,9			42,9								
		1	7	179,1	179,1	179,1										
2	Mùng Văn Hàn			54,5	54,5											
		1	6	54,5	54,5		54,5									
3	Mùng Văn Hình			556,8	556,8											
		1	8	51,9	51,9		51,9									
		1	9	218,6	218,6	218,6										
		1	10	286,3	286,3					286,3						

STT	Chủ sử dụng đất	Tờ bản đồ	Số thửa đất	Tổng cộng	Nhóm đất nông nghiệp							Nhóm đất phi nông nghiệp				Ghi chú
					Cộng	Đất có rừng trồng sản xuất (RSX)	Đất chuyên trồng lúa nước (LUC)	Đất trồng lúa nước còn lại (LUK)	Đất trồng cây lâu năm (CLN)	Đất nuôi trồng thủy sản (NTS)	Đất bằng trồng cây hàng năn khác (BHK)	Cộng	Đất giao thông (DGT)	Đất thủy lợi (DTL)	Đất có mặt nước chuyên dùng (MNC)	
A	B	C	D	$I=2+9$	$2=3+...+8$	3	4	5	6	7	8	$9=10+11+12$	10	11	12	13
4	Quan Văn An			715,5	715,5											
		1	12	715,5	715,5	715,5										
5	Quan Văn Nhó			735,3	735,3											
		1	11	283,9	283,9					283,9						
		1	13	29,8	29,8				29,8							
		2	2	101,0	101,0	101,0										
		2	4	4,0	4,0				4,0							
		2	3	7,3	7,3				7,3							
		2	5	129,9	129,9				129,9							
		2	6	168,6	168,6	168,6										
		2	8	10,8	10,8				10,8							
6	Quan Văn Chung			670,8	670,8											
		2	1	670,8	670,8	670,8										
7	Quan Văn Chuẩn			326,4	326,4											
		2	7	34,4	34,4	34,4										
		2	10	292,0	292,0	292,0										
8	Quan Văn Năm			769,8	769,8											
		2	14	518,1	518,1	518,1										
		2	13	222,1	222,1						222,1					
		2	9	6,1	6,1				6,1							
		2	12	23,5	23,5				23,5							

STT	Chủ sử dụng đất	Tờ bản đồ	Số thửa đất	Tổng cộng	Nhóm đất nông nghiệp							Nhóm đất phi nông nghiệp				Ghi chú
					Cộng	Đất có rừng trồng sản xuất (RSX)	Đất chuyên trồng lúa nước (LUC)	Đất trồng lúa nước còn lại (LUK)	Đất trồng cây lâu năm (CLN)	Đất nuôi trồng thủy sản (NTS)	Đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK)	Cộng	Đất giao thông (DGT)	Đất thủy lợi (DTL)	Đất có mặt nước chuyên dùng (MNC)	
A	B	C	D	$I=2+9$	$2=3+...+8$	3	4	5	6	7	8	$9=10+11+12$	10	11	12	13
9	Quan Văn Xấy			88,0	88,0											
		2	11	88,0	88,0				88,0							
10	Quan Văn Đạt			68,3	68,3											
		2	15	26,3	26,3	26,3										
		2	16	42,0	42,0	42,0										
II	Đất tổ chức			9.196,4												
	UBND xã Tân Mỹ			9.196,4								9.196,4	4.735,2	3.245,2	1.216,0	
		1	14	915,1								915,1	915,1			
		1	15	84,8								84,8	84,8			
		1	16	129,0								129,0	129,0			
		1	17	33,0								33,0		33,0		
		1	18	1.295,2								1.295,2	1.295,2			
		2	23	2.000,1								2.000,1		2.000,1		
		2	17	2.311,1								2.311,1	2.311,1			
		2	18	37,2								37,2		37,2		
		2	19	474,1								474,1		474,1		
		2	20	675,1								675,1		675,1		
		2	21	1.216,0								1.216,0			1.216,0	
		2	22	25,7								25,7		25,7		